

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1539/2024/DS-ST

Ngày: 06-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thiều Liên.

Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10, 27 tháng 11 và 06 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 560/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 780/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 632/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 51/2024/QĐST-DS ngày 29/10/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 18/11/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 53/2024/QĐST-DS ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Số B N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P – chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Anh T, sinh năm: 1998. Địa chỉ liên hệ: Lầu E Tòa nhà A, số A C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền số 1445/UQ-QLN.24 ngày 27/9/2024.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: số B D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Trang trí nội thất L. Trụ sở: đường H, thị trấn N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Kiều O; chức danh: Giám đốc. Địa chỉ: số B D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T, bà O: có mặt. Ông C: vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là A) do người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Anh T trình bày:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp tín dụng cho bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C căn cứ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022 và Hợp đồng cấp tín dụng số CAL.CN.3071.090522 ngày 11/05/2022, chi tiết như sau: số tiền cho vay: 8.000.000.000 đồng; mục đích cho vay: phục vụ nhu cầu đời sống - mua nhà, đất – có thể chấp tài sản mua – mua nhà, đất – chưa hoàn thành – cấp mới mua nhà 223/44 H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; phương thức cho vay: cho vay từng lần; phương thức giải ngân: được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ; thời hạn cho vay: 180 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; thời hạn giải ngân: tối đa 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; lãi suất trong hạn: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, ngày 12/5/2022 A đã giải ngân cho bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C bằng Khế ước nhận nợ số 361736589, cụ thể: số tiền vay được giải ngân: 8.000.000.000 đồng; phương thức giải ngân: chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 179521929 của ông Nguyễn Đức C tại A; thời hạn cho vay: 180 tháng, từ ngày 13/5/2022 đến ngày 12/5/2037; lãi suất cho vay: 7,5%/năm, lãi suất cho vay ngày: 13%/năm, một năm được tính 365 ngày, lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần (theo công thức: từ ngày 13/5/2023 đến ngày 12/5/2027: lãi suất cho vay (%/năm) = lãi suất cơ sở + 3,50%/năm; từ ngày 13/5/2027: lãi suất cho vay (%/năm) = lãi suất cơ sở + 3,90%/năm); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 31/3/2023, ông C và bà O đã trả cho A được tổng số tiền: 593.709.174 đồng, trong đó: nợ gốc là 92.550.000 đồng, nợ lãi là 499.103.990 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.055.184 đồng. Do, ông C và bà O không tiếp tục trả nợ nên từ ngày 13/4/2023 đến ngày 21/7/2023, dư nợ gốc không được trả nợ đúng hạn được áp dụng lãi suất quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn và thời gian chậm trả, với lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại khoản 4.2 Điều 4 Thỏa thuận về

các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022.

Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 03/07/2023, A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Khế ước nhận nợ nêu trên. Đến ngày 21/7/2023, A chuyển toàn bộ dư nợ của ông C và bà O đối với hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn.

Tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, dư nợ của ông C, bà O bao gồm: nợ gốc: 7.907.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 293.510.682 đồng. Sau đó ông C, bà O có tiếp tục trả nợ cho A 05 lần với tổng số tiền 599.000 đồng, số tiền này được A trừ vào dư nợ gốc.

Tính đến ngày 27/11/2024, ông C và bà O đã trả cho A được tổng số tiền: 594.308.174 đồng, trong đó gồm: vốn gốc là 93.149.000 đồng, lãi trong hạn là 498.975.605 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn là 128.385 đồng và phạt chậm trả lãi là 2.055.184 đồng; và còn nợ A số tiền là: 10.334.833.578 đồng, cụ thể: nợ vốn gốc: 7.906.851.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 293.510.682 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.091.283.377 đồng, phạt chậm trả lãi: 43.188.519 đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp tín dụng cho bà Lê Thị Kiều O căn cứ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/08/2022, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của bà Lê Thị Kiều O ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, chi tiết như sau: số thẻ tín dụng: 436599*****5032; ngày cấp: 19/08/2022; loại thẻ: Visa Platinum; hạn mức thẻ: 49.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 19/08/2025; lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 38.430.409 đồng. Bà O đã thanh toán cho A số tiền tổng cộng 2.597.694 đồng (gồm có: nợ gốc 1.294.152 đồng, tiền lãi 1.303.542 đồng).

Do bà O không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 9, Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A nên ngày 20/4/2023, A đã chuyển khoản nợ thẻ của bà O sang nợ quá hạn. Ngày 14/6/2023, A ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng số 436599*****5032.

Tính đến ngày 27/11/2024, bà O còn nợ A các khoản sau: nợ gốc là 42.563.294 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.451.114 đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đức C căn cứ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành

cho khách hàng cá nhân ngày 13/06/2022; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của Ông Nguyễn Đức C ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, chi tiết như sau: số thẻ tín dụng: 479139*****3141; ngày cấp: 16/06/2022; loại thẻ: Visa Gold; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 16/06/2025; lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 32.253.533 đồng. Ông C đã thanh toán cho A số tiền tổng cộng 13.456.001 đồng (gồm có: nợ gốc 7.294.652 đồng, tiền lãi 6.161.349 đồng).

Do ông C không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 9, Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A nên ngày 10/7/2023, A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng số 479139*****3141. Ngày 11/8/2023, A chuyển khoản nợ thẻ tín dụng số 479139*****3141 sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 27/11/2024, ông C còn nợ A các khoản sau: nợ gốc là 28.033.152 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.557.923 đồng.

Các khoản tín dụng trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 528, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: 223/44 H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12365 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2022 cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CAL.BĐCN.97.100622 ngày 10/06/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Xuân T, số công chứng 003154; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/06/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 09/05/2022.

- Cam kết trả nợ của Công ty TNHH Trang trí nội thất L theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 09/05/2022. Theo đó, Công ty TNHH Trang trí nội thất L cam kết cùng trả nợ với Bên được cấp tín dụng (bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C) các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với A khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, A đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O trả cho A tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 27/11/2024 là 10.447.439.061 đồng, trong đó gồm: nợ vốn gốc 7.977.447.446 đồng, nợ lãi trong hạn 293.510.682 đồng, nợ lãi quá hạn 2.133.292.414 đồng, phạt chậm trả lãi 43.188.519 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

3. Trường hợp ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì:

A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 528, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: 223/44 H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12365 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2022 cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CAL.BĐCN.97.100622 ngày 10/06/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Xuân T, số công chứng 003154; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/06/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 09/05/2022.

Đồng thời, Công ty TNHH Trang trí nội thất L có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 09/05/2022.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông và bà Lê Thị Kiều O xác nhận có vay của A số tiền 8.000.000.000 đồng và được cấp, sử dụng 02 thẻ tín dụng với hạn mức 49.000.000 đồng và 30.000.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 528, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: 223/44 H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12365 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2022 cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CAL.BĐCN.97.100622 ngày 10/06/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Xuân T, số công chứng 003154; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/06/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 09/05/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số CAL.CN.3071.09052 và sử dụng thẻ tín dụng, do kinh tế khó khăn nên ông C, bà O không thể thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A.

Đối với yêu cầu của A, ông C có ý kiến như sau: đối với số tiền lãi mà A đưa ra, ông C nhận thấy vượt quá hiểu biết của mình. Ông bà sẽ xem lại cách tính lãi và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị đơn – bà Lê Thị Kiều O thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Trang trí nội thất L do bà Lê Thị Kiều O là người đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty TNHH Trang trí nội thất L có lập Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 09/05/2022, theo đó Công ty TNHH Trang trí nội thất L cam kết đồng ý cùng trả nợ với bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C đối với các khoản vay của bà O, ông C tại Ngân hàng TMCP A. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C trả các khoản vay cho Ngân hàng thì Công ty TNHH Trang trí nội thất L sẽ thực hiện theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 09/05/2022 và chấp hành theo phán quyết của Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn – ông Nguyễn Đức C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định khác của pháp luật và được phép cấp và cho vay tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Căn cứ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022, Hợp đồng cấp tín dụng số CAL.CN.3071.090522 ngày 11/05/2022, Khế ước nhận nợ số 361736589 ngày 12/5/2022; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A, các bảng tính lãi, bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng và sự thừa nhận của ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O có cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O vay số tiền 8.000.000.000 đồng, cấp cho bà O thẻ tín dụng số 436599*****5032, loại thẻ: Visa Platinum, với hạn mức thẻ: 49.000.000 đồng, cấp cho ông C thẻ tín dụng số 479139*****3141, loại thẻ: Visa Gold, với hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng.

Tính đến ngày 27/11/2024, ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O đã trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 610.361.869 đồng, trong đó: số tiền thanh toán khoản vay là: 594.308.174 đồng, thẻ tín dụng số cuối 5032 là: 2.597.694 đồng, thẻ tín dụng số cuối 3141 là: 13.456.001 đồng.

Do ông C, bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại Điều 6 và Điều 7 Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022, Điều 13 và Điều 14 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét thấy ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc ông C, bà O có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 7.977.447.446 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Xét thấy việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông C, bà O trả các khoản tiền lãi dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi được tính theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc ông C, bà O có nghĩa vụ trả các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 27/11/2024, cụ thể: tiền nợ lãi trong hạn là 293.510.682 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.133.292.414 đồng và phạt chậm trả lãi là: 43.188.519 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy ông C, bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà O thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc yêu cầu ông C, bà O phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và bảng điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng, nên có cơ sở để chấp nhận.

[8] Xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản số CAL.BĐCN.97.100622 ngày 10/06/2022 được ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, do đó có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Xét yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng thế chấp tài sản nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Căn cứ Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 09/05/2022 và sự thừa nhận của bà O là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Trang trí nội thất L có cơ sở xác định Công ty TNHH Trang trí nội thất L cam kết đồng ý cùng trả nợ với bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C đối với các khoản vay của bà O, ông C tại Ngân hàng TMCP A.

Xét thấy việc cam kết là tự nguyện, nội dung cam kết không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc Công ty TNHH Trang trí nội thất L có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 09/05/2022 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 7.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

[12] Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 280, 282, 288, 298, 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022, Hợp đồng cấp tín dụng số CAL.CN.3071.090522 ngày 11/05/2022, Khế ước nhận nợ số 361736589 ngày 12/5/2022; thẻ tín dụng số 436599*****5032, loại thẻ: Visa Platinum, với hạn mức thẻ: 49.000.000 đồng, và thẻ tín dụng số 479139*****3141, loại thẻ: Visa Gold, với hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, tính đến ngày 27/11/2024 với tổng số tiền 10.447.439.061 (mười tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi mốt) đồng, trong đó bao gồm: nợ vốn gốc là 7.977.447.446 (bảy tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, nợ lãi trong hạn là 293.510.682 (hai trăm chín mươi ba triệu, năm trăm mười nghìn, sáu trăm tám mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn là 2.133.292.414 (hai tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm mười bốn) đồng, phạt chậm trả lãi là 43.188.519 (bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm mười chín) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/11/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Thỏa thuận về các điều khoản và

điều kiện tín dụng chung số CAL.CN.3070.090522 ngày 11/05/2022, Hợp đồng cấp tín dụng số CAL.CN.3071.090522 ngày 11/05/2022, Khế ước nhận nợ số 361736589 ngày 12/5/2022; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay sau khi ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O thanh toán hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị Kiều O: 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12365 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2022 cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O.

Trường hợp ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 528, tờ bản đồ số 38, địa chỉ: 223/44 H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12365 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/06/2022 cho ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CAL.BĐCN.97.100622 ngày 10/06/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Xuân T, số công chứng 003154, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Công ty TNHH Trang trí nội thất L có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lê Thị Kiều O và ông Nguyễn Đức C thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay của bà O, ông C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 09/05/2022.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị Kiều O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 118.447.439 (một trăm mười tám triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi chín) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.283.902 (năm mươi tám triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm lẻ hai) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0026766 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm